



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Địa chỉ: 46 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2015

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Vv: Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần XNK Tổng hợp I Việt Nam và sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông!

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng sáu năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số : 0100107490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần 7 ngày 19/04/2012;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần XNK Tổng hợp I Việt Nam;

Để đảm bảo Điều lệ công ty không trái với các quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/07/2015, Hội đồng quản trị đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam cụ thể như sau:

I. Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

TT	Trích Điều lệ hiện hành của công ty (2012)	Dự thảo sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1	Sửa đổi phần căn cứ và giải thích thuật ngữ cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014		
2	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty. ...	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty. ...	Sửa đổi cho thống nhất với Giấy CNĐK Doanh nghiệp mới nhất của công ty (bản sửa đổi ngày 2/7/2014) và thuận lợi trong quá trình hoạt động của công ty.
3	Điều 6: Phạm vi kinh doanh và hoạt động 1. Công ty được phép lập kế	Điều 6: Phạm vi kinh doanh và hoạt động Công ty được phép lập kế hoạch, tiến hành	Căn cứ Điều 7 Luật Doanh nghiệp 2014.

	hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <u>theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành</u> và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. <u>2.Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</u>	tất cả các hoạt động kinh doanh <i>mà luật không cấm</i> và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	
5	Khoản 1 Điều 10. Cổ phiếu 1.Cổ phiếu của Công ty được thể hiện dưới hình <u>thức chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ</u> xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu của Công ty có các nội dung chủ yếu được quy định tại <u>điều 85</u> Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp Công ty phát hành chứng chỉ cổ phiếu, một chứng chỉ cổ phiếu có thể ghi nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc nhiều cổ phần	Khoản 1 Điều 10. Cổ phiếu 1. Cổ phiếu của Công ty được thể hiện dưới hình thức chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ <i>hoặc dữ liệu điện tử</i> xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu của Công ty có các nội dung chủ yếu được quy định tại <i>Điều 120</i> Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp Công ty phát hành chứng chỉ cổ phiếu, một chứng chỉ cổ phiếu có thể ghi nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc nhiều cổ phần	- Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp 2014.
6	Khoản 4 Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông. 4.Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.	- Bỏ khoản 4 Điều 12	- Phù hợp với quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2014. Luật mới đã bỏ quy định này so với luật cũ.

7	Điểm iii Khoản 1 Điều 13. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần iii. Cổ phần chào bán cho người môi giới, người bảo lãnh, hoặc chào bán cho các đối tác chiến lược. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được chấp thuận của số cổ đông đại diện cho <u>ít nhất 75% tổng cổ phần có quyền biểu quyết</u>.	Điểm iii Khoản 1 Điều 13. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần iii. Cổ phần chào bán cho người môi giới, người bảo lãnh, hoặc chào bán cho các đối tác chiến lược. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được chấp thuận của số cổ đông đại diện cho <i>ít nhất 65%</i> tổng cổ phần có quyền biểu quyết.	- Phù hợp với khoản 1 Điều 11 Luật Doanh nghiệp 2014
8	Điều 20. Quyền của cổ đông 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a) <u>Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</u> b) <i>(Giữ nguyên)</i> c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ của Công ty và phù hợp với pháp luật hiện hành, <u>trừ các trường hợp được quy định tại Điều 13 của Điều lệ này;</u> d) <i>(Giữ nguyên)</i> e) <u>Kiểm tra</u> các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông không chính xác; f) <i>(Giữ nguyên)</i> g) <i>(Giữ nguyên)</i> h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các	Điều 20. Quyền của cổ đông 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. <i>Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty quy định; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</i> b. <i>(Giữ nguyên)</i> c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành <i>trừ trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp</i> d. <i>(Giữ nguyên)</i> e. <i>Xem xét, tra cứu và trích lục</i> các thông tin của chính cổ đông đó trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; f. <i>(Giữ nguyên)</i> g. <i>(Giữ nguyên)</i> h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <i>Điều 129.1</i> của Luật Doanh nghiệp;	- Sửa theo quy định tại Điều 114 Luật doanh nghiệp 2014

	trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp; i) Cổ đông có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 36 và 65 của Điều lệ này có quyền tự ứng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; j) <i>(Giữ nguyên)</i> 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>trên 5%</u> tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau: a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo qui định tương ứng tại các Điều 35.4 và Điều 66.1; b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông; c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông; (d,e giữ nguyên)	i. Cổ đông có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 36 và 65 của Điều lệ này có quyền tự ứng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; j. <i>(Giữ nguyên)</i> 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ ít nhất sáu tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 35.4 và Điều 66.1; b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp. c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm và báo cáo của Ban kiểm soát. (d, e giữ nguyên)	
9	Khoản 3 Điều 22: 3.Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh <u>vốn điều lệ</u> đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;	Khoản 3 Điều 22 3.Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh <i>vốn chủ sở hữu</i> đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; c. Giữ nguyên	Sửa theo quy định tại Điều 13 Phụ lục đính kèm Thông tư 121/2012

	c. Giữ nguyên d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục sáu tháng trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. ... e, f: Giữ nguyên	d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục sáu tháng trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. ... e, f: Giữ nguyên	- Căn cứ khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014
10	Điểm f khoản 2 Điều 24: Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và <u>phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành</u>	Điểm f khoản 2 Điều 24: <i>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát ;</i> Điều chỉnh bỏ đoạn: “và phê chuẩn Tổng Giám đốc điều hành”	Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2014
11	Khoản 3 Điều 24: <u>Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</u> a. <u>Các hợp đồng quy định tại Điều 24.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</u> b. <u>Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.</u>	Bỏ Quy định này	Nội dung khoản 3 điều 24 đã được quy định tại khoản 6 Điều 20 điều lệ hiện hành của công ty
12	Khoản 1 Điều 26: Thay đổi các quyền 1. Các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất <u>75%</u> quyền biểu quyết của cổ phần phát hành loại đó.	Khoản 1 Điều 26: Thay đổi các quyền 1. Các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của cổ phần phát hành loại đó.	- Phù hợp Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014

13	Khoản 3 Điều 27: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông <u>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được gửi trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho cổ đông ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</u> <u>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông</u>	Khoản 3 Điều 27: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông <i>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.</i> <i>- Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</i> <i>- Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử, cách thức tải tài liệu để các cổ đông có thể tiếp cận.</i> <i>- Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</i>	- Sửa theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2014
----	--	---	--

	<u>báo cho các cổ đông.</u>		
14	Khoản 4 Điều 27 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>trên 5%</u> tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên, có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. ...	Khoản 4 Điều 27 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>từ 10%</u> tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên, có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. ...	Căn cứ khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014
15	Điểm b Khoản 5 Điều 27: 5.b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có <u>trên 5%</u> cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng	Điểm b Khoản 5 Điều 27: 5.b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có <u>từ 10%</u> cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng.	Áp dụng khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014
16	Điều 31. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp với phương thức bỏ phiếu kín hoặc công khai khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2.b Điều 31, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông: ○ Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; ○ Kế hoạch phát triển	Điều 31. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. <i>Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</i> <i>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</i> <i>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</i> <i>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</i> <i>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</i> <i>e. Tổ chức lại, giải thể công ty;</i>	-Áp dụng Điều 143 và Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014 -Sửa đổi để thuận lợi cho quá trình tổ chức ĐHĐCĐ

ngắn và dài hạn của công ty ○ Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành. b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, sáp nhập, giải thể Công ty; giao dịch mua hoặc bán tài sản của Công ty hoặc Chi nhánh Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc Chi nhánh Công ty thì phải được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 75%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; 3. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến. 4. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 75%</u> tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.	3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất <u>51% tổng số phiếu biểu quyết</u> của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này; 4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty. 5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành; ĐHĐCĐ có thể thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản về các nội dung sau: - Trả cổ tức - Tăng vốn điều lệ của công ty - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần
---	---

		<i>nhất của công ty;</i> <i>- Nội dung khác nếu pháp luật không cấm.</i>	
17	Điều 32. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông; 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; b) Mục đích lấy ý kiến; c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng	Điều 32. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông <i>chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;</i> 2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <i>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</i> b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <i>số thẻ căn cước công dân</i>, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; <i>tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</i> số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;	- Sửa đổi theo khoản 4 Điều 152 Luật Doanh Nghiệp 2014 -

minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; f) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty; g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty; 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ; 5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty; 3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây: a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết; 4. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	
--	--	--

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; e) Các quyết định đã được thông qua; f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác; 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;	b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; e. Các quyết định đã được thông qua; f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác; 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <i>Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</i>	
--	--	--

	7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
18	Điều 33. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội, Thư ký, các kiểm phiếu viên và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; b) Thời gian và địa điểm họp	Điều 33. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. <i>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</i> <i>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</i> <i>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</i> <i>c) Chương trình và nội dung cuộc họp;</i> <i>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</i> <i>đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</i> <i>e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</i> <i>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ</i>	- Áp dụng Điều 146 Luật Doanh Nghiệp 2014

Đại hội đồng cổ đông; c) Chương trình và nội dung cuộc họp; d) Chủ tọa và thư ký; e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h) Các quyết định đã được thông qua; i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. j) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. 4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn	<i>đồng dự họp;</i> <i>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</i> <i>i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</i> <i>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</i> 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. 3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. 4. <i>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc</i>	
--	---	--

	mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký và chữ ký của cổ đông dự họp, văn bản uỷ quyền dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm gửi biên bản cho tất cả các cổ đông và tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông.	<i>cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có).</i> <i>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</i>	
19	Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, <u>thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; 2. <u>Trình tự, thủ tục ra quyết định</u> và nội dung quyết định	Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, <i>nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp</i> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết <i>hoặc một phần nội dung nghị quyết</i> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty	- Điều 147 Doanh nghiệp 2014

	vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.		
20	Chưa có quy định	Điều 34b. Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông <i>1. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết, quyết định đó.</i> <i>2. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi cổ đông sở hữu 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định đó không được thực hiện đúng như quy định.</i> <i>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thì các nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</i>	- Bổ sung nội dung mới theo Điều 148 Luật Doanh Nghiệp 2014
21	Khoản 2 Điều 35. Hội đồng quản trị 2 Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.”	Khoản 2 Điều 35: Hội đồng quản trị Bổ đoạn: “Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.”	Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2014 không có quy định này và quy định không phù hợp thực tế điều hành tại công ty.
22	Khoản 4 Điều 35. Hội đồng quản trị Các cổ đông nắm giữ <u>dưới 5%</u> số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>5% đến</u>	Khoản 4 Điều 35. Hội đồng quản trị Các cổ đông nắm giữ <i>dưới 10%</i> số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <i>10% đến dưới 20%</i> số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ <i>20% đến dưới 30%</i> được đề cử hai	Căn cứ khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014

	dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên	thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên	
23	Điểm c Khoản 1 Điều 36: <u>Đối với công ty con là công ty mà Nhà nước sở hữu số cổ phần trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</u>	Mục c Khoản 1 Điều 36: Bỏ quy định cũ	Bỏ quy định này vì không còn phù hợp với công ty
24	Điều 37. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm, <u>bổ nhiệm</u> thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị bị <u>bãi nhiệm, miễn nhiệm</u> trong các trường hợp sau đây: (Các trường hợp giữ nguyên) 2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị <u>miễn nhiệm</u> bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị <u>còn lại ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định</u> thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 37. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm, <u>bổ sung</u> thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị bị <i>miễn nhiệm</i> trong các trường hợp sau đây: (các trường hợp như Điều lệ cũ) 2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị <i>bãi nhiệm</i> bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị <i>bị giảm quá một phần ba</i> so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng	Áp dụng Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2014

	trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định trên đây. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho các thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	quản trị bị giảm quá một phần ba. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho các thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	
26	Khoản 3 Điều 38. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ; d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty và quy chế quản lý nội bộ Công ty; e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý	Khoản 3 Điều 38. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. 3. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: <i>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</i> <i>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</i> <i>c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</i> <i>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</i> <i>e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp;</i> <i>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</i> <i>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</i> <i>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc <u>lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản</u></i>	Áp dụng Khoản 2 Điều 149 Doanh nghiệp 2014

đó; f) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; g) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; h) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi; i) Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vị lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; k) Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty; 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:	<i>được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</i> <i>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vị lợi ích tối cao của Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</i> <i>j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;</i> <i>k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</i> <i>l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</i> <i>m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</i> <i>n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</i> <i>o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;</i> <u>4. Bỏ điểm a, điểm b, điểm d, điểm f, điểm g, điểm i vì trùng lặp nội dung so với khoản 3 trên.</u>	
---	---	--

a) <u>Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</u> b) <u>Thành lập các công ty con của Công ty;</u> c) Trong phạm vi quy định tại <u>Khoản 2 Điều 108</u> của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <u>Khoản 2 Điều 28 Điều lệ này</u> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tống Công ty và liên doanh); d) <u>Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</u> e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; f) <u>Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 tỷ đồng hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</u> g) <u>Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</u> h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc	- <u>Sửa đổi điểm c:</u> c) Trong phạm vi quy định <i>tại Khoản 2 Điều 149</i> của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <i>Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này</i> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tống Công ty và liên doanh); e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty <i>trong phạm vi quyết định của Hội đồng quản trị;</i> - Các điểm còn lại h, j, k giữ nguyên	
---	---	--

	phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; i) <u>Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</u> j) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; k) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.		
27	Điểm i Khoản 3 Điều 38	Điểm i Khoản 3 Điều 38: Như quy định cũ, bổ sung thêm: <i>Báo cáo ĐHCĐ việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.</i>	Bổ sung thêm Mục k Khoản 3 Điều 25 điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 121/2012/TT-BTC.
28	Khoản 2 Điều 40: Tổng số tiền trả <u>thù lao</u> cho các thành viên Hội đồng quản trị [và số tiền thù lao cho từng thành viên] <u>phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của công ty</u>	Khoản 2 Điều 40: Tổng số tiền trả cho các thành viên Hội đồng quản trị <i>bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố</i> trong báo cáo thường niên của công ty.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 13, Khoản 1 Điều 16 Thông tư 121/2012/TT-BTC
29	Khoản 7 Điều 42: Các cuộc họp của HĐQT 7. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện thay thế.	Khoản 7 Điều 42: Các cuộc họp của HĐQT 7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Việc uỷ quyền cho người khác dự họp phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. <i>Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì</i>	Áp dụng Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014

	Khoản 8 – Chưa có quy định	<i>được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</i> 8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: <i>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</i> <i>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.</i> <i>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</i> <i>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</i> <i>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</i> <i>Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị</i>	
30	Điều 47. Biên Bản họp Hội đồng quản trị <u>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như</u>	Điều 47. Biên bản họp Hội đồng quản trị <i>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</i>	Áp dụng Điều 154 Luật Doanh Nghiệp 2014

<u>những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó từ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp, và có các nội dung chủ yếu sau đây:</u> a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; b) Mục đích, chương trình và nội dung họp; c) Thời gian, địa điểm họp; d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; h) Các <u>quyết định</u> đã được thông qua; i) <u>Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.</u> j) Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính	a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, <i>mã số doanh nghiệp;</i> b) Mục đích, chương trình và nội dung họp; c) Thời gian, địa điểm họp; d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; h) Các vấn đề đã được thông qua; <i>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</i> Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.	
---	---	--

	trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. 2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau	2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. 3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. <i>Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</i>	
31	Điều 55. Thư ký công ty Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: a) Giúp Chủ tịch hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; b) Làm biên bản các cuộc họp; c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e) Thực hiện các công việc khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị giao. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Điều 55. Thư ký công ty Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; e) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; f) Thực hiện các công việc khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị giao. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Áp dụng Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2014
32	Khoản 1 Điều 56. 1. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành công ty không được tự ý giao kết các hợp đồng, giao dịch phải	Khoản 1 Điều 56. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành công ty không được tự ý giao kết các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	- Theo Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014

	được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều 120 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ này.	theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ này.	
33	Điều 60.1 Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát	Điều 60.1: Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Như quy định cũ, bổ sung thêm: <i>Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty</i>	- Theo Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2014
34	Khoản 1 Điều 66: Bầu Thành viên Ban Kiểm Soát 2. Cổ đông nắm giữ <u>tối thiểu 5%</u> cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>5% đến dưới 10%</u> số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ <u>10% đến dưới 30%</u> được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Khoản 1 Điều 66: Bầu Thành viên Ban Kiểm Soát 1. Cổ đông nắm giữ <u>tối dưới 10%</u> cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Áp dụng Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh Nghiệp 2014.
35	Điều 66: Bầu thành viên BKS <u>Chưa có Khoản 3 Điều 66</u>	Điều 66: Bầu thành viên Ban Kiểm soát Bổ sung thêm khoản 3: <i>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên</i>	Bổ sung thêm để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 33 điều lệ mẫu ban hành theo thông tư 121/2012/TT-BTC

		<i>Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</i>	
36	Khoản 1 Điều 68. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ. 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>ít nhất 5%</u> tổng số cổ phần có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó...	Khoản 1 Điều 68. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ. 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <i>từ 10%</i> tổng số cổ phần có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó...	
37	Chương VI. Cổ đông đại diện phần vốn nhà nước tại công ty	<i>Bỏ toàn bộ chương VI</i>	Do SCIC thoái toàn bộ vốn và không còn cổ đông vốn nhà nước tại công ty
38	Khoản 2 Điều 74. Cổ tức 2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.	Khoản 2 Điều 74. Cổ tức <i>3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</i>	Áp dụng khoản 4 Điều 132 Luật Doanh nghiệp 2014
39	Điều 83.Con dấu 1.Con dấu chính thức của Công ty được Hội đồng quản trị quyết định thông qua và được khắc theo quy định của luật pháp. 2.Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Điều 83. Con dấu 1.Con dấu chính thức của Công ty được Hội đồng quản trị quyết định thông qua và được khắc theo quy định của luật pháp. 2. <i>Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:</i> <i>a. Tên doanh nghiệp;</i> <i>b. Mã số doanh nghiệp.</i> 3. <i>Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về</i>	- Áp dụng Điều 44 Luật Doanh nghiệp 2014

		đăng ký doanh nghiệp. 4.Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	
--	--	--	--

II. Sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Do nhu cầu kinh doanh thực tế và để thuận lợi cho hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thay đổi thông tin và bổ sung một số ngành nghề trong Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Sửa đổi mục 7 (Danh sách cổ đông sáng lập) trong giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp. Lý do: Ngày 07/8/2015 SCIC đã kết thúc giao dịch thoái hết vốn tại doanh nghiệp nên không còn là cổ đông của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Tổng Hợp I Việt Nam .

2. Đăng ký bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh như sau:

TT	Ngành nghề bổ sung	Mã ngành
1.	<i>Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo.</i>	4634 (Theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTG)
2	<i>May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)</i>	1410 (Theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTG)

Tóm lại:

- Điều lệ hiện hành của công ty được xây dựng theo Điều lệ mẫu áp dụng cho công ty niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/03/2007 và Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/03/2007, nay có một số nội dung phải điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Bổ sung ngành nghề mới vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ công ty: 02 nội dung trình bày tại mục II.

Kính trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua, ủy quyền cho HĐQT chỉnh sửa một số điều khoản trên trong Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và làm thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Ghi chú: Chữ bị gạch chân trong cột (2) sẽ được sửa đổi, bổ sung bằng dòng chữ nghiêng, in đậm ở cột (3).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN**



PHAN THU ANH